

Bản án số: 14/2020/DS-ST.

Ngày 10 - 9 -2020

V/v “Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Quân.

2. Bà Phan Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2020/TLST- DS, ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Nguyễn Văn R, sinh năm: 1961; Cư trú tại: ấp Nh, xã Ch, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Văn R:* Diệp Thị C, sinh năm: 1961. Cư trú tại: ấp Nh, xã Ch, huyện L, tỉnh Sóc Trăng - Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/02/2020)(Có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Văn R:* Ông Hoàng Văn Q – Luật sư Văn phòng luật sư Hoàng Q thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

* *Đồng bị đơn:* 1. Đỗ Văn T, sinh năm: 1985. Cư trú tại: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

2. Đỗ Văn S, sinh năm: 1955. Cư trú tại: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

3. Dương Thị Th, sinh năm: 1985. Cư trú tại: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Đỗ Văn S, Dương Thị Th:* Đỗ Văn T, sinh năm: 1985. Cư trú tại: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng – Là

người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 07 tháng 7 năm 2020) (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 02 năm 2020, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Văn R trình bày:

Vào ngày 15/11/2016 ông Nguyễn Văn R có hợp đồng bán cho ông Đỗ Văn T và bà Dương Thị Th một chiếc ghe có trọng tải 100 tấn, với giá là 900.000.000 đồng. Ông T đã trả trước cho ông R số tiền là 450.000.000 đồng, số tiền còn lại là 450.000.000 đồng, sau đó đến ngày 22/11/2016, Ông T đã trả thêm cho ông R số tiền là 150.000.000 đồng. Còn lại số tiền là 300.000.000 đồng, Ông T hẹn sẽ trả mỗi tháng là 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, Ông T chỉ trả cho ông R được số tiền là 50.000.000 đồng, còn nợ ông R số tiền là 250.000.000 đồng.

Ông R đã liên lạc yêu cầu Ông T hoàn trả tiền nhiều lần, nhưng Ông T chỉ hẹn chứ không thực hiện. Ngày 27/12/2018 ông R có làm đơn gửi đến tổ hòa giải ấp Lê Minh Châu A, xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung. Tại phiên hòa giải tổ chức ngày 16/01/2019, ông Đỗ Văn S là cha của ông Đỗ Văn T đồng ý trả nợ thay cho Ông T và hẹn trả cho ông R làm 03 đợt: Đợt 1: Đầu năm 2019 trả 100.000.000 đồng; Đợt 2: Năm 2020 trả 80.000.000 đồng; Đợt 3: Năm 2021 trả 70.000.000 đồng, nhưng cho đến nay đã 02 năm ông Đỗ Văn S không thực hiện việc trả nợ cho ông R theo thỏa thuận ngày 16/01/2019.

Tại phiên tòa bị đơn là Ông T cũng là người đại diện cho ông S, bà Th thừa nhận còn nợ ông R số tiền là 250.000.000 đồng và đề nghị ông R cho gia đình anh xin trả dần mỗi năm trả cho ông R số tiền là 50.000.000 đồng cho đến khi trả dứt số tiền trên, nhưng phía đại diện của nguyên đơn không thống nhất đề nghị của Ông T. Nay ông Nguyễn Văn R yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Văn S, ông Đỗ Văn T và bà Dương Thị Th phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông R số tiền là 250.000.000 đồng, trả đủ 01 lần, không yêu cầu tính lãi.

* Tại Bản tự khai ngày 10 tháng 6 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Đỗ Văn T cũng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đỗ Văn S và bà Dương Thị Th trình bày: Vào ngày 15/11/2016 vợ chồng ông Đỗ Văn T, bà Dương Thị Th có hợp đồng mua bán (mua ghe) với ông Nguyễn Văn R một chiếc ghe có trọng tải 100 tấn, với giá là 900.000.000 đồng. Ông T, bà Th đã trả trước cho ông R số tiền là 450.000.000 đồng, số tiền còn lại là 450.000.000 đồng, đến ngày 22/11/2016 Ông T, bà Th đã trả thêm cho ông R số tiền là 150.000.000 đồng. Còn lại số tiền là 300.000.000 đồng, Ông T, bà Th hẹn mỗi tháng sẽ trả cho ông R số tiền là 50.000.000 đồng. Sau đó, Ông T, bà Th chỉ trả cho ông R được số tiền là 50.000.000 đồng, còn lại số tiền là 250.000.000 đồng. Do làm ăn thất bại, nên

Ông T, bà Th không trả tiếp cho ông R. Tại buổi hòa giải ngày 16/01/2019 của Tổ hòa giải ấp Lê Minh Châu thì cha Ông T là ông Đỗ Văn S đứng ra đồng ý trả nợ thay cho Ông T và bà Th và hẹn trả cho ông R làm 03 đợt: Đợt 1: Đầu năm 2019 trả 100.000.000 đồng; Đợt 2: Năm 2020 trả 80.000.000 đồng; Đợt 3: Năm 2021 trả 70.000.000 đồng, nhưng cho đến nay đã 02 năm ông Đỗ Văn S chưa thực hiện việc trả nợ cho ông R theo thỏa thuận. Ông T và Ông T đại diện cho ông S, bà Th thừa nhận hiện nay Ông T, ông S, bà Th còn nợ ông R số tiền là 250.000.000 đồng và thống nhất cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Nguyễn Văn R số tiền gốc là 250.000.000 đồng, nhưng hiện nay kinh tế gia đình đang gặp khó khăn, nên anh đề nghị ông R cho gia đình anh xin trả dần mỗi năm trả cho ông R số tiền là 50.000.000 đồng cho đến khi trả dứt số tiền trên, cụ thể vào ngày 10/9/2021 trả 50.000.000 đồng; vào ngày 10/9/2022 trả 50.000.000 đồng; vào ngày 10/9/2023 trả 50.000.000 đồng; vào ngày 10/9/2024 trả 50.000.000 đồng; vào ngày 10/9/2025 trả 50.000.000 đồng còn lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 02 năm 2020 của nguyên đơn Nguyễn Văn R thì giữa ông R với vợ chồng Ông T, bà Th có hợp đồng mua bán ghe với nhau. Do quá trình thực hiện hợp đồng Ông T, bà Th vi phạm hợp đồng không trả tiền đủ cho ông R như đã hẹn, ông S là cha Ông T cũng đứng ra hứa trả nợ thay cho anh Toàn, nhưng cũng không trả nợ cho ông R như đã hẹn, nên ông R khởi kiện yêu cầu Ông T, ông S, bà Th phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền là 250.000.00 đồng, không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là Tranh chấp hợp đồng dân sự, phát sinh từ hợp đồng mua bán tài sản (Hợp đồng mua bán tài sản) theo Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 3, Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Đỗ Văn S, ông Đỗ Văn T và bà Dương Thị Th phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông R số tiền là 250.000.000 đồng, trả đủ 01 lần, không yêu cầu tính lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo người đại diện của nguyên đơn trình bày giữa nguyên đơn và có hợp đồng bán cho ông Đỗ Văn T và bà Dương Thị Th một chiếc ghe có trọng tải 100 tấn, với giá là 900.000.000 đồng. Ông T, bà Th đã trả cho ông R số tiền là 650.000.000 đồng, còn lại số tiền là 250.000.000 đồng.

Tại phiên tòa Ông T cũng thừa nhận hiện nay Ông T, ông S, bà Th còn nợ ông R số tiền là 250.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết, sự kiện ông R không cần phải chứng minh. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông R.

Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng nhận thấy: Ông R, Ông T, bà Th có hợp đồng mua bán tài sản (mua bán ghe) với nhau năm 2016. Do đó, xác định đây là quan hệ hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015. Ông R, Ông T, bà Th là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng đều hoàn toàn dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, đối tượng giao dịch được pháp luật cho phép, hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội tại thời điểm xác lập hợp đồng, nên cần công nhận đây là hợp đồng mua bán tài sản hợp pháp và giải quyết hậu quả phát sinh từ hợp đồng này theo quy định tại các điều 117, điều 119, điều 398, điều 422, điều 423, điều 427 và điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015. Đối với ông S khi ông R yêu cầu Ông T, bà Th trả nợ thì đã thống nhất có trách nhiệm trả nợ thay cho Ông T, bà Th, nhưng ông không thực hiện. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông R yêu cầu Ông T, ông S, bà Th phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông R số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng, không tính lãi. Ông T cũng là người đại diện theo ủy quyền của bà Th, ông S cũng thống nhất cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông R số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng, nhưng người đại diện theo ủy quyền của ông R và Ông T không thỏa thuận được thời gian và cách thanh toán nợ. Vì vậy, cần xử buộc ông Đỗ Văn T, bà Dương Thị Th và ông Đỗ Văn S phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Nguyễn Văn R số tiền là 250.000.000 đồng, không tính lãi.

[3] Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc ông Đỗ Văn T, bà Dương Thị Th và ông Đỗ Văn S phải cùng có trách nhiệm liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.500.000 đồng; ông Nguyễn Văn R không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông R số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009782 ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, điều 119, điều 398, điều 422, điều 423, điều 427 và điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn R.

Buộc ông Đỗ Văn T, bà Dương Thị Th và ông Đỗ Văn S phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Nguyễn Văn R số tiền là 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*), không tính lãi.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông R có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Đỗ Văn T, chị Dương Thị Th và ông Đỗ Văn S không hoàn trả số tiền 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) thì hàng tháng anh Đỗ Văn T, chị Dương Thị Th và ông Đỗ Văn S còn phải trả lãi cho ông R đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đỗ Văn T, chị Dương Thị Th và ông Đỗ Văn S phải cùng có trách nhiệm liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.500.000 đồng (*Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng*); ông Nguyễn Văn R không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông R số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 đồng (*Sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009782 ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Ông Nguyễn Văn R, anh Đỗ Văn T, chị Dương Thị Th và ông Đỗ Văn S có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Mỹ Xuyên